

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 10 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 28-5-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dậu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hoa.

2. Bà Đỗ Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Hạnh, cán bộ Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Làng L, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn P qua thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/2005 tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung với nhau một thời gian ngắn thì sống ly thân. Trong khoảng thời gian chung sống cả hai đều có những lời nói và hành động không tôn trọng nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cả hai đều cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay tình

cảm yêu thương vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn P.

Về con chung: Chị và anh Vũ Văn P có 01 con chung là cháu Vũ Thị Thuý Q, sinh ngày 31/8/2006. Khi ly hôn, chị muốn giao cháu Q cho anh Vũ Văn P chăm sóc và nuôi dưỡng, vì từ lúc nhỏ đến bây giờ cháu Q đã ở với anh P, hơn nữa nguyện vọng của cháu Q là muốn được ở với anh P. Chị H sẽ không cấp dưỡng nuôi con, vì điều kiện kinh tế khó khăn.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vũ Văn P: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, anh P tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H chấp hành theo giấy triệu tập của tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn anh Vũ Văn P không thực hiện đúng theo giấy triệu tập của tòa án, không cung cấp chứng cứ gì cho tòa án, thể hiện thái độ không hợp tác, không tôn trọng pháp luật và mặc nhiên từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn anh P đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 36, 39, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Vũ Văn P; Giao cháu Vũ Thị Thuý Q, sinh ngày 31/8/2006 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét; Buộc chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 17/12/2018, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” với bị đơn anh Vũ Văn P và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện của chị H đúng quy định, anh P có nơi cư trú tại L, xã H, huyện S, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Vũ Văn P đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Do đó, Hội đồng xử xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 10/06/2005 tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Qua lời trình bày của chị Nguyễn Thị H thì trong quá trình chung sống, giữa chị và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, thường nảy sinh tranh cãi nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh chị đã không còn sống chung từ năm 2007 cho đến nay. Do anh P không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh P đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và cũng không thể làm rõ những mâu thuẫn hôn nhân của anh chị như lời chị H đã trình bày. Tuy nhiên, Việc anh P vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có ý thức hàn gắn những mâu thuẫn hôn nhân giữa anh P và chị H.

Kết quả xác minh về những mâu thuẫn giữa chị H và anh P tại chính quyền địa phương xác định chị H và anh P chung sống với nhau không được bao lâu thì chị H bỏ đi khỏi nhà anh P mà không rõ lý do. Hiện anh chị đã không còn sống chung với nhau.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, động viên chị H rút đơn khởi kiện xin ly hôn để quay về đoàn tụ với anh P nhưng chị H kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với lý do vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng từ lâu, anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, bản thân chị H hiện không còn tình cảm với anh P.

Xét mâu thuẫn hôn nhân giữa chị H và anh P là có thật, mặc dù anh chị là vợ chồng nhưng không sống chung với nhau một thời gian dài, chị H không còn tình cảm yêu thương anh P nên kiên quyết xin ly hôn; anh P không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không tham gia các phiên tòa xem như từ bỏ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; Tòa án và Hội đồng xét xử

không có điều kiện để hòa giải, động viên anh chị quay về đoàn tụ. Do đó căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồng, xử cho chị H được ly hôn với anh P.

[3]. Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung là cháu Vũ Thị Thuý Q, sinh ngày 31/8/2006. Chị H muốn giao cháu Q cho anh Vũ Văn P chăm sóc và nuôi dưỡng, vì từ lúc anh chị không sống chung với nhau cho đến nay, cháu Q vẫn sống với anh P và được ăn học đầy đủ. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Chư Sê có ý kiến cháu Q đang sinh sống với anh P, để ổn định môi trường sống và học tập cho cháu nên giao cháu cho anh P chăm sóc và nuôi dưỡng. Tòa án đã xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình thì cháu Q có nguyện vọng được ở với anh P. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Vũ Thị Thuý Q cho anh P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không tham gia các phiên tòa xem như từ bỏ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong đó có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Theo như chị H trình bày là không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này cho đến khi các đương sự có yêu cầu trong một vụ án khác.

[5.] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6]. Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Vũ Văn P.

2. Về con chung:

Giao cháu Vũ Thị Thuý Q, sinh ngày 31/8/2006 cho anh P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã

thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số số 0007692 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Sê (01 bản);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- UBND xã B, H. S, T. Gia Lai.
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Dậu